

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(Quý 4 năm 2008)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	142,909,067,773	115,472,803,658
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	47,747,834,723	1,161,743,623
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	20,710,495,462	21,510,325,493
4	Hàng tồn kho	72,156,253,162	92,530,693,600
5	Tài sản ngắn hạn khác	2,294,484,426	270,040,942
II	Tài sản dài hạn	83,949,275,273	89,313,296,060
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	81,977,275,273	88,323,296,060
	- Tài sản cố định hữu hình	18,753,066,824	88,323,296,060
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	63,224,208,449	-
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1,972,000,000	990,000,000
5	Tài sản dài hạn khác		
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	226,858,343,046	204,786,099,718
IV	Nợ phải trả	162,263,680,957	81,280,477,547
1	Nợ ngắn hạn	111,340,323,692	35,414,093,169
2	Nợ dài hạn	50,923,357,265	45,866,384,378
V	Vốn chủ sở hữu	64,594,662,089	123,505,622,171
1	Vốn chủ sở hữu	63,802,164,670	122,749,554,898
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30,000,000,000	52,953,240,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	9,526,603,285	40,080,701,449
	- Cổ phiếu quỹ		(313,480,000)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	13,796,649,363	16,929,482,663
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10,478,912,022	13,099,610,786
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	792,497,419	756,067,273
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	792,497,419	756,067,273
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	226,858,343,046	204,786,099,718

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Luỹ kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	66,939,635,317	208,063,647,944
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	393,569,291	409,594,765
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	66,546,066,026	207,654,053,179
4	Giá vốn hàng bán	55,112,715,376	164,346,977,946
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,433,350,650	43,307,075,233
6	Doanh thu hoạt động tài chính	533,303,124	848,946,415
7	Chi phí tài chính	6,291,329,192	11,413,912,254
8	Chi phí bán hàng	1,786,845,078	4,912,644,422
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,797,478,952	6,772,660,163
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,091,000,552	21,056,804,809
11	Thu nhập khác	1,379,168	733,932,556
12	Chi phí khác	9,056,371	660,945,785
13	Lợi nhuận khác	(7,677,203)	72,986,771
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,083,323,349	21,129,791,580
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	372,106,891	2,753,214,794
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,711,216,458	18,376,576,786
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3,878
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-

Ngày ..31. tháng .12. năm .2008.
GIÁM ĐỐC CÔNG TY

TRỊNH HỮU MINH